*Ngày soạn: 10/12/2024*

*Ngày dạy: 18/12/2024*

Tiết 23

**ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**I**. **Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

Hệ thống lại các kiến thức;

CHƯƠNG 2

- Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả.

- Xác định phương hướng ngoài thực tế.

CHƯƠNG 3

- Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo.

- Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi.

- Núi lửa và động đất

- Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản.

CHƯƠNG 4

- Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió

**2. Năng lực**

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

\* Năng lực Địa Lí

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự  nhiên

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

\* GD trẻ em khuyết tật hoà nhập cộng đồng:

- Cần quan tâm, chia sẻ, động viên trẻ khuyết tật ôn tập bài.

- Hỗ trợ trẻ khuyết tật về các hoạt động mà các em chưa thực hiện được.

- Hướng dẫn HS cách làm bài thi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Học liệu: sgk, Đề cương ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, compa. máy tính

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**.

**Hoạt động 1: Mở đầu***(1 phút)*

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c.  Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: GV cho HS xem video về hiện tượng núi lửa và động đất.

HS giải thích vì sao có hiện tượng trên.

HS : Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** *(25 phút)*

**Hoạt động 2.1: học sinh làm các bài tập để củng cố kiến thức**

a. Mục đích:  HS hoàn thành nội dung lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng

c.  Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| \* Hệ thống lại các kiến thức cơ bản đã học ở chương 2  \* Hoạt động 1: Cá nhân 7 phút  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập  GV: HS làm việc cá nhân  - Một năm có mấy mùa?  -Trình bày hiện tượng ngày – đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất?  - Cách xác định phương hướng ngoài thực tế? *( HS khuyết tật chậm phát triển trí tuệ tham gia trả lời câu 1, 2)* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:  + HS làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm thuyết minh  + GV quan sát, nhắc nhở HS thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV quay số ngẫu nhiên chọn 3 HS trình bày 1 phút/lượt về 3 bộ phận của Trái Đất, kết hợp bản đồ/hình ảnh để HS miêu tả sinh động  + Các HS hoàn thiện thông tin vào PHT nếu có, đặt câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV khen ngợi phần thể hiện của HS.  + GV chuẩn kiến thức  - Nêu cấu tạo bên trong của Trái Đất?  **\* Hoạt động 2: Nhóm 13 phút**  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập Nhóm 1 Hoàn thành Phiếu học tập số 1*( HS khuyết tật chậm phát triển trí tuệ tham gia vào hoàn rhanhf phiếu ht)*  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên lớp** | **Vị trí** | **Đặc điểm** | | **1. Vỏ** |  |  | | **2. Man-ti** |  |  | | **3. Nhân** |  |  |   **Nhóm 2** Hoàn thành Phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Động đất** | **Núi lửa** | | Nguyên nhân hình thành |  |  | | Phân bố |  |  | | Hậu quả |  |  | | Phòng chống |  |  |   **Nhóm 3: Hoàn thành phiếu học tập số 3**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Núi** | **Đồi** | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** | | **Độ cao** |  |  |  |  | | **Hình thái** |  |  |  |  | | **Giá trị** |  |  |  |  | | **Ví dụ** |  |  |  |  |   **Nhóm 4: Hoàn thành phiếu học tập số 4**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Thông tin** | | **Khái niệm** |  | | **Nguồn gốc** |  | | **Phân loại** |  | | **Công dụng** |  | | **Vấn đề** |  | | **Giải pháp** |  |   **- Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS làm việc theo nhóm trong 5 phút  **- Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi 1 HS lên thuyết minh  **- Kết luận, nhận định:**  + GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của các nhóm.  + GV đưa ra kết quả chính xác để HS làm sai sửa bài.  + HS: Lắng nghe, ghi bài. | **1. Hệ thống kiến thức**  **Chương 2:**  **-** Một năm có 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.  - Do trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi nên đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn ở những địa điểm có vĩ độ khác nhau, càng xa xích đạo về phía 2 cực càng biểu hiện rõ.   * Mùa nóng: ngày dài hơn đêm, mùa lạnh đêm dài hơn ngày   Các địa điểm nằm trên đường xích đạo quanh năm có ngày, đêm dài ngắn như nhau.  - Mặt trời mọc ở hướng Đông, lặn ở hướng Tây.  - Nếu quay mặt về hướng Mặt Trời mọc:  + Trước mặt là hướng Đông.  + Sau lưng là hướng Tây.  + Bên tay phải là hướng Nam.  + Bên tay trái là hướng Bắc.  **Chương 3:**  \* Cấu tạo bên trong của Trái Đất:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên lớp** | **Vị trí** | **Đặc điểm** | | **1. Vỏ** | Ngoài cùng | Rắn và mỏng. Dày 5-70km. Xuống sâu nhiệt độ tăng cao, đến 1000 độ C | | **2. Man-ti** | Ở giữa | Dày 2900km. Trạng thái quánh dẻo đến rắn. Nhiệt độ từ 1500 đến 4700 độ C | | **3. Nhân** | Trong cùng | Dày 3400km. Trạng thái từ lỏng đến rắn. Nhiệt độ khoảng 5000 độ C |   **\* Núi lửa và động đất:**   |  |  | | --- | --- | | **TIÊU CHÍ** | **NỘI DUNG** | | **ĐỘNG ĐẤT** | + Động đất là những rung chuyển đột ngột mạnh mẽ của vỏ Trái Đất.  + Nguyên nhân: do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái Đất.  **Hậu quả:**  + Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng.  + Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thẩn khi xảy ra ở biển.  Phòng chống:  - Không thể ngăn động đất xảy ra, nhưng trước khi có động đất, giống như núi lửa, thường có một số dấu hiệu để nhận biết. Cần chui xuống gầm bàn, sử dụng thang bộ, không lái xe và chú ý bảo vệ đầu,... | | **NÚI LỬA** | - Nguyên nhân sinh ra núi lửa là do mac-ma từ trong lòng Trái Đất theo các khe nứt của vỏ Trái Đất phun trào lên bề mặt.  - Các bộ phận của núi lửa: lò mac-ma, miệng núi lửa, ống phun.  - Hậu quả do núi lửa gây ra:  + Tro bụi và dung nham từ núi lửa có thể vùi lấp thành thị, làng mạc, ruộng nương,... gây thiệt hại vế tài sản lẫn tính mạng con người.  + Tro bụi gầy biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người (đặc biệt các bệnh liên quan đến đường hô hấp, dịch bệnh,...).  - Dấu hiệu nhận biết trước khi núi lửa phun trào và chốt kiến thức: mặt đất rung nhẹ, nóng hơn, có khí bốc lên ở miệng núi,... |   **\* Các dạng địa hình chính trên Trái Đất**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Núi** | **Đồi** | **Cao nguyên** | **Đồng bằng** | | **Độ cao** | Trên 500 m so với mực nước biển. | Không quá 200 m so với vùng đất xung quanh. | Trên 500 m so với mực nước biển. | Dưới 200 m so với mực nước biển. | | **Hình thái** | Đỉnh nhọn, sườn dốc. | Đỉnh tròn, sườn thoải. | Khá bằng phẳng, có sườn dốc, dựng đứng thành vách. | Tương đối bằng phẳng, có thể rộng hàng triệu km2. | | **Giá trị** | Phát triển cây công nghiệp, trồng rừng | Tập trung đông dân, sản xuất phát triển | Phát triển cây công nghiệp, trồng rừng | Tập trung đông dân, sản xuất phát triển | | **Ví dụ** | Hi-ma-lay-a, An-đét, An-pơ, Rốc-ki, U-ran, Át-lát,... | Vùng đồi trung du nước ta ở Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên,... | Pa-ta-gô-ni, Mông Cổ, Tây Tạng,... | Ấn Hằng, Hoa Bắc, Bắc Âu, A-ma-dôn,... |   **\* Khoáng sản trên TD**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Thông tin** | | **Khái niệm** | Khoáng sản là những khoáng vật và khoáng chất tự nhiên có ích trong vỏ Trái Đất mà con người có thể khai thác để sử dụng trong sản xuất và đời sống | | **Nguồn gốc** | Nội sinh và ngoại sinh | | **Phân loại** | Khoáng sản có thể được phân thành ba nhóm: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại, khoáng sản phi kim loại. | | **Công dụng** | Nguyên liệu cho công nghiệp, đời sống… | | **Vấn đề** | Khai thác quá mức tài nguyên >>> cạn kiệt | | **Giải pháp** | Tiết kiệm, tìm vật liệu thay thế |   **Chương 4 :**  Nêu các thành phần chính của không khí gần bề mặt đất. |

**3. LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG ( 17 phút)**

*a) Mục tiêu: Giải quyết các bài tập của chương 2 và chương 3*

*b) Nội dung:* HS được yêu cầu tham gia các bài tập cụ thể

*c) Sản phẩm:*

- Phần hỏi nhanh đáp gọn của HS

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1.** Giải thích tại sao mọi nơi trên trái đất đều lần lượt có ngày và đêm kế tiếp nhau?

A. Trái Đất hình cầu và vận động tự quay quanh trục.

B. Các thế lực siêu nhiên, thần linh.

C. Ánh sáng Mặt trời và các hành tinh chiếu vào.

D. Trục Trái Đất nghiêng trên mặt phẳng quỹ đạo.

Chọn A.

**Câu 2.** Nơi có 6 tháng là ngày và 6 tháng là đêm trong một năm

A. vòng cực.

B. cực.

C. chí tuyến.

D. Xích đạo.

Chọn B.

**Câu 3.** Vào ngày nào ở nửa cầu Nam ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc vào vĩ tuyến 23027’Nam

A. Ngày 21 tháng 3.

B. Ngày 23 tháng 9.

C. Ngày 22 tháng 12.

D. Ngày 22 tháng 6.

Chọn C.

**Câu 4.** Vành đai lửa lớn nhất trên Trái Đất hiện nay là vành đai

A. Địa Trung Hải.

B. Thái Bình Dương.

C. Ấn Độ Dương.

D. Đại Tây Dương.

Chọn B.

**Câu 5.** Khi hai mảng tách xa nhau sẽ xảy ra hiện tượng nào sau đây?

A. Tạo các dãy núi cao, núi lửa, siêu bão.

B. Động đất, núi lửa, lũ lụt.

C. Bão lũ, mắc ma phun trào.

D. Mắc ma trào lên, tạo ra các dãy núi ngầm.

Chọn D.

**Câu 6.**Lõi Trái Đất có nhiệt độ cao nhất là

A. 1 0000C.

B. 5 0000C.

C. 7 0000C.

D. 3 0000C.

Chọn B.

**Câu 7.**Trên Trái Đất lục địa lớn nhất là

A. Lục địa Nam Mĩ.

B. Lục địa Phi.

C. Lục địa Bắc Mĩ.

D. Lục địa Á – Âu.

Chọn D.

**Câu 8.** Nội lực có xu hướng nào dưới đây?

A. Xây dựng địa hình làm cho mặt đất gồ ghề.

B. Phá huỷ địa hình làm cho mặt đất san bằng.

C. Tạo ra dạng địa hình mới.

D. Tạo ra các dạng địa hình nhỏ.

Chọn C.

**Câu 9.** Độ cao tương đối của núi là khoảng cách đo theo chiều thẳng đứng, từ đỉnh núi đến

A. nơi có sườn thoải.

B. mực nước biển.

C. đáy đại dương.

D. chỗ thấp nhất của chân núi.

Chọn D.

**Câu 10.** Núi già thường có đỉnh

A. phẳng.

B. nhọn.

C. cao.

D. tròn.

Chọn D.

**Câu 11.**Châu thổ lớn nhất của nước ta là châu thổ sông

A. Thái Bình.

B. Cả.

C. Cửu Long.

D. Hồng.

Chọn C.

**Câu 12.**Đồng bằng nào dưới đây được gọi là đồng bằng bào mòn?

A. Đồng bằng A-ma-dôn.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng châu Âu.

D. Đồng bằng Hoàng Hà.

Chọn C.

**Câu 13.** Dạng địa hình thuận lợi cho trồng cây lương thực và thực phẩm là

A. cao nguyên.

B. bình nguyên.

C. đồi.

D. núi cao.

Chọn B.

**Câu 14.**Độ cao tương đối của đồi là

A. từ 200 - 300m.

B. từ 400 - 500m.

C. từ 300 - 400m.

D. dưới 200 m.

Chọn D.

Câu 13. Trước khi sử dụng bản đồ phải nghiên cứu rất kĩ phần

A. kí hiệu bản đồ.

B. tỉ lệ bản đồ.

C. bảng chú giải và kí hiệu.

D. bảng chú giải.

Câu 14. Hành tinh đứng đầu tiên trong Hệ Mặt Trời là

A. Sao Kim.

B. Sao Thủy.

C. Trái Đất.

D. Sao Hỏa.

Câu 15. Khi Luân Đôn là 10 giờ, thì ở Hà Nội là

A. 17 giờ.

B. 15 giờ.

C. 19 giờ.

D. 21 giờ.

Câu 16. Vào ngày 22/12 ở Nam Bán Cầu có thời gian ban ngày diễn ra thế nào?

A. Khó xác định.

B. Dài nhất.

C. Bằng ban đêm.

D. Ngắn nhất.

Câu 17. Lục địa nào sau đây trên Trái Đất có diện tích lớn nhất?

A. Lục địa Nam Mĩ.

B. Lục địa Phi.

C. Lục địa Bắc Mĩ.

D. Lục địa Á - Âu.

Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra ngoại lực là do

A. động đất, núi lửa, sóng thần.

B. hoạt động vận động kiến tạo.

C. năng lượng bức xạ Mặt Trời.

D. sự di chuyển vật chất ở manti.

Câu 19. Nhật Bản nằm ở vành đai lửa nào sau đây?

A. Đại Tây Dương.

B. Thái Bình Dương.

C. Ấn Độ Dương.

D. Bắc Băng Dương.

Câu 20. Cao nguyên rất thuận lợi cho việc trồng cây

A. lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.

B. công nghiệp và chăn nuôi gia cầm.

C. công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

D. thực phẩm và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 15. Nội lực là gì? Ngoại lực là gì? Tại sao nói nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau?

- Nội lực là những lực xảy ra bên trong lòng Trái Đất.

- Vì: Nội lực là những lực sinh ra ở bên trong Trái Đất còn ngoại lực là những lực sinh ra ở bên ngoài Trái Đất chúng xây ra đồng thời tạo nên địa hình bề mặt Trái Đất. Nội lực thiên về nâng cao địa hình còn ngoại lực thiên về sang bằng địa hình.

**Câu 16.**Núi lửa đã gây nhiều tác hại cho con người nhưng tại sao quanh các núi lửa vẫn có dân cư sinh sống?

Nguyên nhân là do sau khi dung nham và tro bụi của núi lửa đã nguội thì trở thành một vùng đất đỏ phì nhiêu màu mỡ rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp.

**Câu 17.**Núi già và núi trẻ khác nhau ở những đặc điểm nào?

- Núi trẻ: Đỉnh nhọn, sườn dốc thung lũng sâu. Hình thành cách đây vài chục triệu năm.

- Núi già: Đỉnh tròn, sườn thoải, thung lũng cạn. Hình thành cách đây vài trăm triệu năm.

**Câu 18.**Trình bày hiện tượng tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả của nó?

\* Vận động quay quanh trục

- Trái Đất từ quay quanh 1 trục tưởng tượng nối liền 2 cực và nghiêng 66033’ trên mặt phẳng quỹ đạo.

- Hướng tự quay: Tây sang Đông.

- Thời gian tự quay 1 vòng quanh trục là 24 giờ (một ngày đêm).

- Bề mặt Trái Đất được chia ra thành 24 khu vực giờ, mỗi khu vực có một giờ riêng.

\* Hệ quả

- Hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi Trái Đất.

- Do sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất đều bị lệch hướng.

**Câu 19.**Vì sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất?

- Trái Đất có dạng hình cầu nên chỉ được chiếu sáng một nửa, nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm.

- Do Trái Đất quay quanh trục từ Tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều có lần lượt ngày và đêm.

**Câu 20.**Người ta thường biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ bằng các loại kí hiệu nào? Tại sao khi sử dụng bản đồ, trước tiên chúng ta phải xem bảng chú giải?

- Có 3 loại kí hiệu là: kí hiệu điểm, kí hiệu đường, kí hiệu diện tích.

- Có 3 dạng kí hiệu là: kí hiệu hình học, kí hiệu chữ, kí hiệu tượng hình.

- Vì hệ thống các kí hiệu bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ trước tiên phải tìm đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS trả lời các câu hỏi

+ GV quan sát và hỗ trợ, giúp HS có câu hỏi hoàn thiện

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ HS đặt câu hỏi

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi các HS đạt KQ tốt

+ GV làm rõ thêm kiến thức qua hình ảnh/thông tin bổ sung

**4. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2 phút)**

*a) Mục tiêu:* Hoàn thành bài tập để chuẩn bị thi học kì 1

*b) Nội dung*: HS được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ về nhà hoàn thành các bài tập chương

*c) Sản phẩm:*

- Vở ghi thể hiện đầy đủ bài tập

*d) Tổ chức thực hiện:*

- GV giao nhiệm vụ cho HS như mục “**Nội dung**” và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và nộp bài đúng thời hạn quy định.

- GV trao đổi, gửi thêm link hoặc hướng dẫn cho HS (qua video trên youtube)

- Dặn dò tuần sau nộp sản phẩm

\* Đề cương ôn tập.

a) Trình bàynguyên nhân của hiện tượng núi lửa, động đất.

b) Nếu đang trong nhà mà có động đất xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

**Câu 2**

a) Hãy nêu vai trò của hơi nước đối với tự nhiên và đời sống.

b) Nêu những việc em có thể làm để góp phần gia tăng lượng khí ôxi trong không khí

**Câu 3.** Thế nào là quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.

**Câu 4.** Núi lửa đã gây nhiều tác hại cho con người nhưng tại sao quanh các núi lửa vẫn có dân cư sinh sống?

**Câu 5.** Nêu các thành phần chính của không khí gần bề mặt đất.

**Câu 6**. So sánh những điểm giống và khác nhau giữa núi và đồi.